

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:09 /2022/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2022

THÔNG TƯ

**Quy định về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập
thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường**

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

3. Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý này được thực hiện theo hướng dẫn của bộ, quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Thông tư này không áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

5. Hội đồng trường thuộc các cơ sở giáo dục được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn thi hành, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý theo quy định tại Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP).

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện và thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý

Nguyên tắc, điều kiện và thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Điều 4. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý

1. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

2. Đề án thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập do đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, gồm các nội dung chính sau:

- a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;
- b) Vị trí, chức năng;
- c) Nhiệm vụ và quyền hạn;
- d) Cơ cấu tổ chức;
- đ) Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý;
- e) Kiến nghị của cơ quan xây dựng đề án thành lập Hội đồng quản lý (nếu có);
- g) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý là đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định về chủ trương và trình cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Thông qua Đề án vị trí việc làm; điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm; điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi người đứng đầu đơn vị sự nghiệp quyết định phê duyệt theo thẩm quyền;

c) Thông qua đề án liên doanh, liên kết trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Quyết định các vấn đề quan trọng khác của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cơ cấu và số lượng thành viên của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 người, gồm Chủ tịch và các thành viên khác.

2. Thành phần Hội đồng quản lý gồm có:

a) Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập gồm đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có);

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, đại diện tổ chức chính trị - xã hội và đại diện một số tổ chức thuộc lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Số lượng, cơ cấu thành phần cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

a) Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đề xuất với Hội đồng quản lý nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý;

c) Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý;

d) Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 5 Thông tư này;

c) Lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý;

d) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng quản lý;

đ) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý;

e) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản lý hoặc quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý;

g) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

h) Ký văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản lý;

i) Phê duyệt các văn bản thuộc chức năng, nhiệm vụ và các vấn đề liên quan của Hội đồng quản lý.

Điều 8. Nguyên tắc và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

1. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, công khai, dân chủ, tôn trọng ý kiến các thành viên, quyết định theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu kín;

b) Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền;

c) Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai công việc của Hội đồng quản lý.

2. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.

3. Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ chuyên trách. Chế độ làm việc của các thành viên khác của Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định theo quy định của pháp luật, trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, đặc thù của cơ quan, đơn vị.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, chế độ phụ cấp và chế độ khác (nếu có) cho các thành viên Hội đồng quản lý được tính trong chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

5. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 9. Quan hệ công tác

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên:

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập với cơ quan quản lý cấp trên;

c) Cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

3. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 10. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý làm việc theo Quy chế hoạt động được cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

2. Đề cương Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Chương III TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 11. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm của thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Là công chức hoặc viên chức thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao;

c) Không đang trong thời gian xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hoặc tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

d) Có trình độ từ đại học trở lên;

đ) Có kinh nghiệm trong công tác quản lý, công tác chuyên môn;

e) Không phải là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý;

h) Độ tuổi: Công chức, viên chức được đề nghị bổ nhiệm lần đầu làm thành viên Hội đồng quản lý phải có thời gian công tác thực tế còn lại từ đủ 5 năm trở lên tính từ thời điểm thực hiện quy trình bổ nhiệm; trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và có năng lực quản lý và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước như người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định pháp luật và quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 12. Bổ nhiệm thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Các thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm.

2. Nhiệm kỳ các thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý không quá 05 (năm) năm.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm các thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của Đảng, của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Miễn nhiệm thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Miễn nhiệm các thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng quản lý và được cấp có thẩm quyền chấp nhận;

b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị bệnh quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

d) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực của pháp luật;

đ) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;

e) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng công chức, viên chức ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

g) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một nhiệm kỳ;

h) Vi phạm các quy định khác được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

i) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định;

k) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác;

l) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm;

m) Nghỉ hưu, thôi việc hoặc các trường hợp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm các thành viên và Chủ tịch của Hội đồng quản lý.

2. Hội đồng quản lý có trách nhiệm xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm các thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản lý và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định miễn nhiệm.

3. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm:

a) Văn bản đề nghị miễn nhiệm của Hội đồng quản lý, trong đó nêu rõ lý do miễn nhiệm và đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng quản lý trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý (nếu có đơn vị cấp trên trực tiếp);

c) Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng quản lý;

d) Ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý;

đ) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm các thành viên và Chủ tịch của Hội đồng quản lý xem xét, quyết định miễn nhiệm.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã gửi hồ sơ đề án thành lập Hội đồng quản lý đến cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nhưng chưa được cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định thành lập thì phải rà soát, hoàn chỉnh lại Đề án, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định thành lập theo quy định về trình tự, thủ tục thành lập tại Thông tư này.

2. Đối với Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực, các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm rà soát để kiện toàn lại cho phù hợp với quy định của Thông tư này.

Điều 15. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2022.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 18/2018/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website, Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCCB. NQ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý
- Điều 3. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý
- Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý
- Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý
- Điều 6. Thủ tục giới thiệu thành viên Hội đồng quản lý và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo
- Điều 7. Khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác Hội đồng quản lý

Chương II
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

- Điều 8. Nguyên tắc chung
- Điều 9. Chế độ làm việc, chế độ họp của Hội đồng quản lý
- Điều 10. Quyết nghị của Hội đồng quản lý
- Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng quản lý
- Điều 12. Quản lý văn bản, tài liệu của Hội đồng quản lý
- Điều 13. Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý

Chương III
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

- Điều 14. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và cơ quan quản lý nhà nước cấp trên
- Điều 15. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập
- Điều 16. Điều khoản thi hành.